

Bản án số: 10/2020/KDTM-PT.

Ngày: 09/12/2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**;

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kim Hương**;

Bà **Nguyễn Thị Nhiên**;

- Thư ký phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Ngọc Mỹ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà **Trần Thị Quỳnh Trâm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2020/KDTM-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐPT-KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Phan Thị Kim L – Chủ doanh nghiệp tư nhân T.**

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Mai Thành C, sinh năm 1964.

Địa chỉ cư trú: Số 188 Tỉnh lộ 11, ấp N, xã B, huyện K, Kiên Giang.

2. Ông Nguyễn Văn Ch – sinh năm 1964;

Địa chỉ cư trú: Tổ 6, khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn: Công ty cổ phần C1.**

Địa chỉ: Số A33 – A34 Nguyễn H, khu dân cư K, phường Tân P, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Chánh T1, Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1954 (Theo văn bản ủy quyền số 134/GUQ-CTTC ngày 13/12/2019).

Địa chỉ nơi cư trú: Số 63/47A Lê Văn S, phường 13, Quận Ph, thành phố Hồ Chí Minh.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng K.**

Địa chỉ: Số 34 Tr, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Th1, Tổng giám đốc.

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty Cổ phần C1

(Ông C, ông Ch, ông V có mặt; Đại diện Công ty cổ phần tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Thành C trình bày:**

Từ ngày 31/12/2017 đến ngày 19/01/2018, Công ty cổ phần C1 mua nhiên liệu dầu (Do) phục vụ thi công san lấp mặt bằng dự án lấn biển. Căn cứ vào biên bản xác nhận công nợ mà DNTN T ký kết với Công ty cổ phần C1 ký ngày 19/01/2018, tổng số tiền Công ty cổ phần C1 còn nợ tiền mua dầu tổng cộng gốc và tiền lãi phát sinh là: 4.937.233.000 đồng (Bốn tỷ, chín trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn đồng). Trong đó:

- Tiền nợ gốc: 3.843.451.000 đồng.

- Tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 19/01/2018 là: 1.093.782.000 đồng.

Vào ngày 24/7/2018 DNTN T có Công văn số: 09 ĐN.18 gửi Công ty cổ phần C1 và Công ty cổ phần tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang. Ngày 08/4/2019, Công ty cổ phần tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang có Công văn số 32/TVĐTXD gửi Công ty cổ phần C1 về việc đề nghị Công ty cổ

phần C1 ủy quyền thanh toán cho Công ty cổ phần tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang. Nhưng đến nay Công ty cổ phần C1 không thực hiện các yêu cầu nêu trên.

Hiện tại phía Công ty cổ phần tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang còn giữ một khoản tiền trên 10.000.000.000 đồng (mười tỉ đồng) công nợ chưa thanh toán cho Công ty cổ phần C1, tiền san lấp mặt bằng (khu vực 1a) và khối lượng bổ sung phía biển, thuộc dự án khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. DNTN T bán nhiên liệu dầu (Do) cho Công ty cổ phần C1 thực hiện việc thi công công trình nêu trên.

Nay DNTN T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố R buộc Công ty cổ phần C1 phải trả số tiền gốc 3.843.451.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày 31/12/2017 cho đến nay.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Đình V trình bày:**

- Sau khi trúng thầu công trình, vào ngày 01/6/2015 Công ty cổ phần C1 ký bản Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 45/2015/DA LBTB với Công ty cổ phần tập đoàn tư vấn đầu tư và xây dựng Kiên Giang. Vào ngày 7/6/2017, Công ty cổ phần C1 có ký bản Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 11/2017/HĐ-BQLDA với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản - Chi cục phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận.

Để thực hiện Hợp đồng số 45/2015/DA LBTB ngày 01/6/2015, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần C1 ban hành Quyết định số 106/QĐ-CPTC ngày 8/7/2015 về việc thành lập Ban chỉ huy công trường lấn biển Rạch Giá gồm 5 người, trong đó ông Huỳnh Văn Chánh T1 - Tổng giám đốc làm Trưởng ban, ông Nguyễn Văn V1- Phó giám đốc xí nghiệp Sông Tiền làm Phó ban và 03 người khác.

- Hợp đồng số 001/HĐMB/2015 ngày 10/7/2015 được ký kết giữa bên bán bà Phan Thị Kim L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) T với bên mua ông Nguyễn Văn V1- Phó ban thường trực lấn biển R. Trong khi đó ông V1 không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần C1 nên ông V1 không có quyền ký Hợp đồng số 001/HĐMB/2015 ngày 10/7/2015.

- Hợp đồng mua bán nhiên liệu số 001/HĐMB/2015 ngày 10/7/2015 không nói rõ về số lượng dầu mà hai bên dự kiến thỏa thuận mua bán, tài liệu chứng cứ do DNTN T giao nộp cho Tòa án 01 Biên bản xác nhận công nợ ngày 19/01/2018 do ông Huỳnh Văn Chánh T1 ký và 76 bản hóa đơn GTGT đều ghi

bán hàng qua điện thoại, không có chữ ký, họ tên của người mua hàng, hóa đơn không ghi xuất theo bản hợp đồng nào. Do 4/5 người trong Ban chỉ huy công trường lấn biển Tây Bắc đã nghỉ việc khi công trình chưa quyết toán, thanh lý hợp đồng với chủ đầu tư, chỉ còn lại ông Huỳnh Văn Chánh T1-Tổng giám đốc. Phòng tài C kế toán tìm các tài liệu chứng cứ như biên bản xác nhận công nợ ngày 19/01/2018 không có lưu giữ tại công ty.

- Theo bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần C1 quy định Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ông Nguyễn Văn V1 không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần C1 nên ông V1 không có thẩm quyền ký Hợp đồng mua bán nhiên liệu số 001/HĐMB/2015 ngày 10/7/2015 với DNTN T, nếu không có giấy ủy quyền của Chủ tịch HĐQT hoặc của Tổng giám đốc. Do vậy, Hợp đồng mua bán nhiên liệu số 001/HĐMB/2015 ngày 10/7/2015 bị coi là vô hiệu, hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu được giải quyết theo Điều 131 BLDS năm 2015. Vì vậy DNTN T không có quyền yêu cầu được tính lãi.

- Đối với biên bản xác nhận công nợ ngày 19/01/2018: Theo quy định của Công ty cổ phần C1 thì biên bản xác nhận công nợ phải được đánh máy, số, ngày, tháng, năm để theo dõi và ghi vào sổ công văn đi, phải do trưởng phòng tài C kế toán của Công ty tham gia, đối chiếu công nợ với bên bán hàng, vì Kế toán trưởng làm tham mưu cho HĐQT theo dõi và thực hiện việc thanh toán tiền cho người bán hàng. Biên bản xác nhận công nợ ngày 19/01/2018 về phía Công ty cổ phần C1 ông Đặng Bá Kh -Kế toán trưởng không được hay biết và không có ký tên trong biên bản. Do đó, ông Huỳnh Văn Chánh T1 đã làm văn bản số 20/XNST-CPTC ngày 16/01/2018 hủy “Biên bản xác nhận công nợ”, số bản phát hành là 05 bản, gửi DNTN T 01 bản. Đồng thời, tại sổ công văn đi của Công ty cổ phần C1 không thể hiện việc Công ty cổ phần C1 có gửi biên bản xác nhận công nợ ngày 19/01/2018 cho DNTN T.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần tập đoàn tư vấn, đầu tư xây dựng K (Tập đoàn) có ý kiến theo Công văn số 18/TVĐTXD-BPC, ngày 18/2/2019 như sau:**

Ngày 01/6/2015, Tập đoàn và Công ty C1 có ký Hợp đồng số 45/2015/DALBT, sau đó là các Phụ lục hợp đồng số 45a/2015/DALBTB ngày 19/11/2015, số 45b/2016/DALBTB ngày 04/4/2016, số 45c/2016/DALBTB ngày 20/6/2016, số 45d/2017/DALBTB ngày 09/01/2017 về việc thi công gói thầu 01: San lấp mặt bằng khu vực 1a và khối lượng bổ sung phía biển thuộc dự án Khu đô thị lấn biển Tây Bắc, R.

*** Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2020/KDTM-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố R đã quyết định:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T đối với Công ty cổ phần C1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Buộc Công ty cổ phần C1 phải trả cho bà Phan Thị Kim L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T số tiền 5.426.389.106 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 9/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố R là phong tỏa tài sản nơi gửi giữ tại Công ty cổ phần tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang để đảm bảo thi hành án.

4. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2019/QĐ-BPBD ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố R; DNTN T có quyền nhận lại số tiền bảo đảm 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Kiên Giang-Phòng giao dịch số 4; Địa chỉ số 63 L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*** Ngày 23/7/2020, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần C1 – ông Nguyễn Đình V kháng cáo với nội dung:**

Bản án sơ thẩm tuyên không có căn cứ pháp luật. Tòa án sơ thẩm xác định Hợp đồng số 001/HĐMB ngày 10/7/2015 không bị vô hiệu là trái quy định BLDS 2015. Nguyên đơn không cung cấp được các biên bản hoặc phiếu giao hàng, tên số điện thoại của người mua dầu nhưng vẫn được cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận. Công ty cổ phần C1 đã giao nộp cho Tòa án bảng tổng hợp kèm bảng kê 41 phiếu ủy nhiệm chi thanh toán tiền mua dầu cho DNTN T với tổng số tiền 56.246.495.100 đồng, tuy nhiên đại diện DNTN T khai Công ty cổ phần C1 chỉ mới thanh toán cho DNTN T số tiền 55.829.295.100 đồng cũng được Tòa chấp nhận. DNTN T cho rằng Công ty C1 bảo lãnh nợ đối với Hóa đơn tài chính (VAT) số 0001903 ngày 18/10/2017 người mua hàng là Xí nghiệp C1 Sông Tiền

nhưng không cung cấp được giấy bảo lãnh vẫn được Tòa sơ thẩm chấp nhận buộc Công ty C1 phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền 261.600.000 đồng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp của Công ty C1.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần C1, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 08/2020/KDTM-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố R.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến:

Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện hợp pháp của Bị đơn có ý kiến:

Thay đổi một phần nội dung kháng cáo, thống nhất số tiền mua dầu Công ty C1 đã thanh toán cho DNTN T là 55.829.295.100 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc Tòa án sơ thẩm xác định Hợp đồng số 001/HĐMB ngày 10/7/2015 không bị vô hiệu là trái quy định BLDS 2015. Việc nguyên đơn không cung cấp được các biên bản hoặc phiếu giao hàng, tên số điện thoại của người mua dầu nhưng vẫn được cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận. DNTN T cho rằng Công ty C1 bảo lãnh nợ đối với Hóa đơn tài chính (VAT) số 0001903 ngày 18/10/2017 người mua hàng là Xí nghiệp C1 Sông Tiền nhưng không cung cấp được giấy bảo lãnh vẫn được Tòa sơ thẩm chấp nhận buộc Công ty C1 phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền 261.600.000 đồng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp của Công ty C1. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về hướng giải quyết vụ án: Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308-BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2020/KDTM-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Công ty cổ phần tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng K được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 296-BLTTDS 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn đối chiếu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 01/6/2015, Công ty cổ phần C1 thi công xây dựng công trình với Công ty cổ phần tập đoàn tư vấn đầu tư và xây dựng K, mục đích san lấp mặt bằng thuộc dự án khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 7/6/2017, Công ty cổ phần C1 thi công xây dựng công trình với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản - Chi cục phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận, mục đích thi công nạo vét luồng và khu vực nước neo đậu. Trong quá trình thi công hai công trình trên, Công ty cổ phần C1 có mua nhiên liệu dầu DO của Doanh nghiệp tư nhân T bắt đầu từ ngày 21/7/2015 đến ngày 31/12/2017 tổng giá trị thực hiện theo 76 hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) với số tiền 59.672.780.570 đồng; cụ thể:

- Năm 2015: 15 hóa đơn GTGT với số tiền 7.903.573.420 đồng.
- Năm 2016: 47 hóa đơn GTGT với số tiền 44.203.953.800 đồng.
- Năm 2017: 14 hóa đơn GTGT với số tiền 7.565.253.350 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất 75 Hóa đơn giá trị gia tăng là đúng mã số thuế của Công ty cổ phần C1, 01 Hóa đơn GTGT của Xí nghiệp Sông Tiền và thống nhất về giá trị thanh toán bằng hình thức chuyển khoản thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Phòng giao dịch Ba Hòn Hà Tiên cho chủ tài khoản là Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) T. Tổng số tiền Công ty cổ phần C1 đã chuyển khoản cho DNTN T trả tiền mua nhiên liệu là 55.829.295.100 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền chưa thanh toán là 3.843.451.000 đồng căn cứ vào Biên bản xác nhận công nợ ngày 19/1/2018 và yêu cầu tính lãi chậm trả, được tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền nợ phải thanh toán và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 31/12/2017 đến khi xử sơ thẩm, tổng cộng 5.426.389.106 đồng.

[1]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn yêu cầu xem xét Hợp đồng mua bán nhiên liệu số 001/HĐMB/2015 ngày 10/7/2015 vô hiệu, vì được ký kết giữa bên bán bà Phan Thị Kim L - Chủ DNTN T với bên mua ông Nguyễn Văn V1- Phó ban thường trực lần biển R, do ông V1 không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần C1 nên ông V1 không có thẩm quyền ký kết hợp đồng, thấy rằng: Hợp đồng mua bán nhiên liệu số 001/HĐMB/2015 ngày 10/7/2015 ký kết giữa hai bên không quy định rõ ràng, cụ thể về số lượng hàng hóa, thời điểm giao nhận hàng, giá cả của hàng hóa... Hợp đồng cung cấp cho Tòa án chỉ là bản photo. Theo đại diện Nguyên đơn xác định hợp đồng này được xác lập nhằm mục đích thuận lợi để đi đường do hàng hóa được giao ngoài biển không phải ở đất liền. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không coi Hợp đồng mua bán nhiên liệu số 001/HĐMB/2015 ngày 10/7/2015 là chứng cứ của vụ án để tuyên bố Hợp đồng mua bán nhiên liệu số 001/HĐMB/2015 ngày 10/7/2015 là vô hiệu là phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Bị đơn kháng cáo không đồng ý việc nguyên đơn không cung cấp được các biên bản hoặc phiếu giao hàng, tên số điện thoại của người mua dầu nhưng vẫn được cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận; không thừa nhận biên bản xác nhận công nợ với số tiền 3.843.451.000 đồng do biên bản không được lưu giữ tại Công ty cổ phần C1, đồng thời vào ngày 2/6/2020 ông Huỳnh Văn Chánh T1- Tổng giám đốc Công ty cổ phần C1 có văn bản hủy Biên bản xác nhận công nợ với lý do kế toán trưởng ông Đặng Bá Kh chưa được thông qua và ký tên xác nhận với số tiền trong biên bản. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại khoản 1 Điều 24 Luật thương mại năm 2015 quy định: “Hợp đồng mua bán hàng hóa được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể”. Nguyên đơn xác định việc mua bán dầu DO giữa hai bên xác lập bằng hình thức điện thoại không lập thành văn bản. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua nhiên liệu dầu DO còn nợ là 3.843.451.000 đồng căn cứ vào biên bản xác nhận công nợ được lập vào ngày 19/01/2018 (Bản gốc) do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, phù hợp với giá trị phải thanh toán theo các hóa đơn GTGT là 59.672.780.570 đồng, trừ đi giá trị đã thanh toán là 55.829.295.100 đồng. Căn cứ bản sao kê tài khoản của DNTN T từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2017 thể hiện Công ty cổ phần C1 đã chuyển

khoản cho DNTN T trả tiền mua nhiên liệu với tổng số tiền: 55.829.295.100 đồng - Số tiền này cũng đã được đại diện bị đơn thống nhất tại phiên tòa phúc thẩm (Trong đó, năm 2015 bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn tổng số tiền 6.221.295.100 đồng; Năm 2016 bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn tổng số tiền 37.480.000.000 đồng; Năm 2017 bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn tổng số tiền 12.128.000.000 đồng). Số tiền còn phải thanh toán là 3.843.485.470 đồng.

Căn cứ quy định tại Điều lệ, tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần C1: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty- là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bị đơn hoàn toàn thống nhất chữ ký trong biên bản xác nhận công nợ là của ông Huỳnh Văn Chánh T1-Tổng giám đốc Công ty cổ phần C1 và con dấu là của Công ty cổ phần C1. Do đó, bị đơn cho rằng việc kê toán trưởng ông Đặng Bá Kh chưa được thông qua và ký tên xác nhận với số tiền trong biên bản, đồng thời Công ty cổ phần C1 đã có văn bản hủy biên bản xác nhận công nợ là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Chữ ký xác nhận của Tổng giám đốc Công ty cổ phần C1 sẽ có giá trị pháp lý cao hơn chữ ký của kế toán trưởng Công ty cổ phần C1; văn bản hủy biên bản xác nhận công nợ chỉ do Công ty cổ phần C1 ban hành nội bộ, không có sự tham gia và đồng ý ký xác nhận của đại diện DNTN T.

[3]. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về hóa đơn GTGT số 0001903 ngày 18/10/2017 ghi người mua hàng là Xí nghiệp C1 Sông Tiền, số thuế 0300565610-001, số lượng 20.000 lít dầu DO với số tiền 261.000.000 đồng nhưng lại buộc trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần C1; xét thấy: Xí nghiệp C1 Sông Tiền là chi nhánh trực thuộc Công ty cổ phần C1, không có tư cách pháp nhân; tại Ủy nhiệm chi ngày 20/10/2017 Công ty cổ phần C1 có chuyển khoản cho DNTN T số tiền 298.000.000 đồng với nội dung thanh toán mua nhiên liệu thi công công trình La Gi thay cho Xí nghiệp Sông Tiền. Ủy nhiệm chi có chữ ký của Tổng Giám đốc Huỳnh Văn Chánh T1. Về số tiền chênh lệch giữa hóa đơn và ủy nhiệm chi, tại phiên tòa đại diện DNTN T xác định số tiền này cũng đã được DNTN T đối trừ ở phần công nợ còn lại 3.843.451.000 đồng; đồng thời cũng phù hợp với số liệu đối chiếu giữa các hóa đơn đã thanh toán và biên bản xác nhận công nợ còn lại. Do đó, bị đơn kháng cáo không đồng ý thanh toán khoản tiền này là không có căn cứ để xem xét.

[4]. Đối với tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 31/12/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Cấp sơ thẩm áp dụng Điều 306 Luật thương mại năm 2005 buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên cấp phúc thẩm không thể thỏa mãn yêu cầu kháng cáo hủy bản án sơ thẩm của bị đơn.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần C1. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2020/KDTM-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố R tỉnh Kiên Giang.

Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 113.426.389 đồng {112.000.000 đồng + (0,1% x 1.426.389.106 đồng)}.

+ Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Phan Thị Kim L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T số tiền 56.470.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002009 ngày 05/12/2019 của Chi cục thi hành án thành phố R.

- Án phí phúc thẩm:

Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí 2.000.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004702 ngày 30/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Điều 428, Điều 429, Điều 431, khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần C1.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2020/KDTM-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố R tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T đối với Công ty cổ phần C1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Buộc Công ty cổ phần C1 phải trả cho bà Phan Thị Kim L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T số tiền **5.426.389.106** đồng. (*Năm tỷ bốn trăm hai mươi sáu triệu ba trăm tám mươi Chín ngàn một trăm lẻ sáu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố R là phong tỏa tài sản nơi gửi giữ tại Công ty cổ phần tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang để đảm bảo thi hành án.

4. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2019/QĐ-BPBD ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố R; DNTN T có quyền nhận lại số tiền bảo đảm 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Kiên Giang-Phòng giao dịch số 4; Địa chỉ số 63 L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

5. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Buộc Công ty cổ phần C1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 113.426.389 đồng (*Một trăm mười ba triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi Chín đồng*).

+ Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Phan Thị Kim L – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T số tiền 56.470.000 (*Năm mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi ngàn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0002009 ngày 05/12/2019 của Chi cục thi hành án thành phố R.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty cổ phần C1 phải chịu án phí 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng theo biên lai thu số 0004702 ngày 30/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố R;
- Chi cục THADS thành phố R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Thị Thu Hương